TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 218/2018/DS-PT
Ngày: 29 – 11 – 2018
V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Ngọc Phỉ

Các Thẩm phán: Ông Lưu Hữu Giàu;

Bà Nguyễn Thị Minh Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Điệp – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Dương Quy Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2018/DS-PT, ngày 18 tháng 10 năm 2018 về "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 40/2018/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 261/2018/QĐXX-DSPT ngày 22 tháng 10 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 203/2018/QĐ-PT ngày 15 tháng 11 năm 2018; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 1290/TB-TA ngày 19 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1948, địa chỉ cư trú: Tổ 7, ấp ĐT, xã TS, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh AG (vắng mặt).

1.2. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1949, địa chỉ cư trú: Khóm TH, thị trấn NB, huyện TB, tỉnh AG (vắng mặt).

1.3. Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1950, địa chỉ cư trú: Ấp CC, xã VT, thành phố CĐ, tỉnh AG (vắng mặt).

1.4. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1952, địa chỉ cư trú: Ấp TBH, xã NH, huyện TB, tỉnh AG (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1971, địa chỉ cư trú: Tổ 7, ấp ĐT, xã TS, huyện TB, tỉnh AG (Theo Giấy ủy quyền ngày 30/7/2014 và Giấy ủy quyền ngày 27/3/2015) (có mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Hứa Hoàng C – là Luật sư của Văn phòng Luật sư Hứa Hoàng C thuộc Đoàn Luật sư Tỉnh AG (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Văn D1, sinh năm 1948 (vắng mặt).

2.2. Bà Trần Thị H1, sinh năm 1950 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Tổ 7, ấp ĐT, xã TS, huyện TB, tỉnh AG.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Anh Nguyễn Văn H2, sinh năm 1975, địa chỉ cư trú: Khóm SĐ, thị trấn NB, huyện TB, tỉnh AG (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 04/01/2017 và Hợp đồng ủy quyền ngày 06/11/2018) (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án:

3.1. Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1948, địa chỉ cư trú: Tổ 7, ấp ĐT, xã TS, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh AG (vắng mặt).

3.2. Bà Phạm Thị K1, sinh năm 1953 (chết). Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà K1, gồm:

- Bà Lê Thị M, sinh năm 1934, địa chỉ cư trú: Tổ 7, khóm HH, thị trấn NB, huyện TB, tỉnh AG (vắng mặt).

- Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1948 (vắng mặt).

- Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1971 (có mặt).

- Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1974 (vắng mặt).

- Chị Nguyễn Thị H3, sinh năm 1976 (vắng mặt).

- Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1976 (vắng mặt).

- Anh Nguyễn Văn Dũng E, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Tổ 7, ấp ĐT, xã TS, huyện TB, tỉnh AG.

- Chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1983, địa chỉ cư trú: Số 327 đường Hoàng Đạo Cật, khóm VT 2, phường NS, thành phố CĐ, tỉnh AG (vắng mặt).

- Chị Nguyễn Thị M1, sinh năm 1988, địa chỉ cư trú: Tổ 8, Khóm 2, thị trấn CL, huyện TB, tỉnh AG (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của người có quyền, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1971, địa chỉ cư trú: Tổ 7, ấp ĐT, xã TS, huyện TB, tỉnh AG (theo Giấy ủy quyền ngày 15/7/2017) (có mặt).

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn P, Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị An, Nguyễn Thị H là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đồng nguyên đơn ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị An, bà Nguyễn Thị H (sau đây gọi tắt là các

nguyên đơn) và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn trình bày:

Ông Nguyễn Văn Đồng (là cha của các nguyên đơn) có để lại diện tích khoảng 11.000 m^2 đất cho con là ông Nguyễn Văn P (sau đây gọi tắt là ông P) thừa hưởng, đất tọa lạc tại tổ 7, ấp Đông Thuận, xã Thới Sơn, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, có nộp thuế hàng năm. Trong đó, có khoảng 2.000m^2 đất ở chưa được cấp quyền sử dụng đất.

Do ông Đồng đi kháng chiến nên ông Đồng giao đất lại cho ông Nguyễn Văn Cắc (sau đây gọi tắt là ông Cắc) là cha của ông Nguyễn Văn D1 và Nguyễn Văn Cần (sau đây gọi tắt là ông D1, ông Cần) trông coi. Đến năm 1975, ông Đồng đi trở về, ông D1 và ông Cần xin cất căn nhà tạm để ở với diện tích mỗi căn nhà ngang 9m, dài 12m (đất chưa được cấp quyền sử dụng đất).

Trên diện tích 2.000m^2 đất ở (chưa được cấp quyền sử dụng đấ) có 03 căn nhà, gồm: nhà của ông P, nhà của ông D1 và nhà của ông Cần.

Năm 2013, ông D1 tự ý cấm trụ đá, làm hàng rào chiếm thêm diện tích 1.000m^2 và yêu cầu đo đạc xin cấp quyền sử dụng đất. Ông P tranh chấp nên ông D1 không được cấp quyền sử dụng đất.

Năm 2014, ông D1 yêu cầu đo đạc tiếp tục nhưng ông P tranh chấp nên không đo đạc được. Từ đó, các con của ông D1 rào chắn đường đi, không cho gia đình ông P đi lại và chuyên chở lúa.

Nay các nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Văn D1 và bà Trần Thị H1 (sau đây gọi tắt là bà H1) phải di dời nhà trả lại diện tích đất 1.118,3m^2 theo bản trích đo địa chính ngày 25/02/2016 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Tịnh Biên.

Theo đơn phản tố, ông D1, bà H1 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông, bà để lại. Ông D1 và bà H1 cất nhà ở hơn 40 năm. Quá trình sử dụng đất, ông D1 và bà H1 có làm hàng rào trước và sau đất. Khi có tranh chấp, ông P, bà H1 xây dựng hàng rào lưới B40 liền với ranh đất của ông P.

Nay ông D1 và bà H1 không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn.

Ông D1 và bà H1 yêu cầu Tòa án công nhận cho ông D1 và bà H1 được quyền sử dụng diện tích 1.118,3m^2 đất theo bản trích đo địa chính ngày 25/02/2016 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Tịnh Biên.

Ông D1, bà H1 tự nguyện trả lại cho ông P diện tích 8,2m^2 đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Tịnh Biên cấp cho ông P và bà K1.

Theo đơn khiếu kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông P cùng các con của ông P, gồm: anh Nguyễn Văn D, chị Nguyễn Thị T, chị

Nguyễn Thị H3, chị Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị T2, chị Nguyễn Thị M1, anh Nguyễn Văn Dũng E và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông D1 và bà H1 cất nhà lấn qua phần đất của ông P và bà Phạm Thị K1 (sau đây gọi tắt là bà K1) diện tích 8,2m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông P và bà K1 đứng tên. Nay ông P cùng các thừa kế của bà K1 yêu cầu ông D1 và bà H1 phải trả lại diện tích đất lấn chiếm là 8,2m^2.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 40/2018/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn Nguyễn Văn P, Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị An, Nguyễn Thị H về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn D1, bà Trần Thị H1 tháo dỡ, di dời nhà trả lại diện tích 1.118,3m^2 đất tọa lạc tổ 7, ấp Đông Thuận, xã Thới Sơn, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

- Chấp nhận yêu cầu phản tố của đồng bị đơn, công nhận ông Nguyễn Văn D1, bà Trần Thị H1 được quyền sử dụng diện tích 1.118,3m^2 đất tọa lạc tổ 7, ấp Đông Thuận, xã Thới Sơn, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang theo Bản trích do địa chính của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Tịnh Biên lập ngày 25/02/2016 và ngày 23/7/2018.

- Ông Nguyễn Văn D1, bà Trần Thị H1 có nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.118,3m^2.

- Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, ông Nguyễn Văn D1, bà Trần Thị H1 tự nguyện trả lại diện tích 8,2m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H02661Ek ngày 15/10/2007 do Ủy ban nhân dân huyện Tịnh Biên cấp cho ông Nguyễn Văn P và bà Phạm Thị Kho, đất tọa lạc tổ 7, ấp Đông Thuận, xã Thới Sơn, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang theo Bản trích do địa chính của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Tịnh Biên lập ngày 25/02/2016 và ngày 23/7/2018.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10/9/2018, ông P, bà K, bà An, bà H kháng cáo yêu cầu cấp phúc phẩm giải quyết buộc ông D1 và bà H1 phải trả lại phần đất trống; phần đất đã cất nhà trả bằng giá trị.

Tại phiên tòa:

- *Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn trình bày*: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông D1 và bà H1 trình bày:* Yêu cầu cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

- Anh D là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Thống nhất phần bản án sơ thẩm công nhận sự tự nguyện của ông D1, bà H1 đồng ý trả lại diện tích 8,2m^2 đất.

- Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các nguyên đơn:

Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Đồng được thừa hưởng của Cụ Kim, bị đơn ở nhờ trên đất của ông Đồng là cha của các nguyên đơn. Theo Biên bản cuộc họp Hội đồng tư vấn của Ủy ban nhân dân xã Thới Sơn ngày 13/10/2017, các thành viên đều đề nghị ông D1 trả lại cho các nguyên đơn phần đất trống, biên bản này là chứng cứ chứng minh quyền lợi của các nguyên đơn nhưng cấp sơ thẩm chưa xem xét; Ngoài ra, trên đất tranh chấp có 03 bụi tre và 01 cây tung do Cụ Kim trồng nhưng các nguyên đơn thu hoa lợi, đây là chứng cứ chứng minh các nguyên đơn có sử dụng phần đất đang tranh chấp. Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét Biên bản họp Hội đồng tư vấn của Ủy ban nhân dân xã Thới Sơn ngày 13/10/2017 và việc các nguyên đơn có thu hoa lợi từ 03 bụi tre và 01 cây tung do Cụ Kim trồng để làm cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng hợp tình, hợp lý hoặc dành cho các nguyên đơn quyền khởi kiện vụ án khác về yêu cầu đòi giá trị đất.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Những người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên; các nguyên đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về hình thức đơn kháng cáo:

Đơn kháng cáo của các nguyên đơn trong thời hạn pháp luật quy định và các nguyên đơn có nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là đúng theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dụng kháng cáo:

[2.1]. Bản trích đo địa chính của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Tịnh Biên ngày 23/7/2018 thể hiện đầy đủ, chi tiết vị trí, diện tích khu đất tranh

chấp và được các đương sự thừa nhận. Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm căn cứ Bản trích đo địa chính của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Tịnh Biên ngày 23/7/2018 để giải quyết vụ án.

[2.2]. Các đương sự thống nhất về nguồn gốc đất tranh chấp là của Cụ Kim (nguyên đơn gọi là ông Nội, bị đơn gọi là ông Cố) và thống nhất đất tranh chấp do ông D1 và bà H1 quản lý, sử dụng có diện tích là 1.118,3m^2.

[2.3]. Theo các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được, gồm: Biên bản xác minh ông Trần Hoàng Quân do Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên lập ngày 18/11/2015 và ngày 14/8/2018; Biên bản xác minh ông Triệu Văn Lợi do Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên lập ngày 18/11/2015; Biên bản xác minh ông Nguyễn Quốc Việt do Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên lập ngày 14/8/2018; Biên bản cuộc họp do Ủy ban nhân dân xã Thới Sơn, huyện Tịnh Biên lập ngày 13/10/2017; Công văn số 2152/UBND – NC ngày 28/6/2016 của Ủy ban nhân dân huyện Tịnh Biên, đều thể hiện nguồn gốc đất đang tranh chấp là của Cụ Kim và Cụ Huê (là ông, bà của nguyên đơn và bị đơn) để lại. Từ trước năm 1975, ông Cắc là cha của ông D1 đã có công quản lý và gìn giữ đất; đến năm 1976, ông D1 và bà H1 xây dựng nhà ở ổn định đến nay.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn là anh D xác nhận rằng: khi ông Đồng còn sống (trước năm 1999), ông Đồng không tranh chấp, không yêu cầu gia đình ông D1, bà H1 di dời nhà trả đất.

[2.4]. Quá trình gia đình ông D1, bà H1 xây dựng nhà ở và xây dựng hàng rào phân định ranh giới sử dụng diện tích 1.118,3m^2 đất với phần đất thuộc quyền sử dụng của ông P và anh D liền kề, đây là sự việc công khai, liên tục, lâu dài nhưng các nguyên đơn không phản đối, không tranh chấp.

Như vậy, từ năm 1976 đến thời điểm xảy ra tranh chấp là năm 2013, gia đình ông Cần là người đang chiếm hữu ngay tình, liên tục, công khai và đã sử dụng ổn định diện tích 1.118,3m^2 đất trên 30 năm và không vi phạm pháp luật về đất đai.

[2.5]. Ý kiến của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp quyền sử dụng đất là Ủy ban nhân dân huyện Tịnh Biên thể hiện tại Công văn số 2152/UBND – NC ngày 28/6/2016 cho biết như sau: để công nhận quyền sử dụng đất cho anh D (đại diện của ông P), ông D1, ông Cần thì căn cứ vào thực tế quá trình sử dụng đất từ trước đến nay của 03 hộ.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cho thấy, các nguyên đơn không có quá trình sử dụng diện tích 1.118,3m^2 đất đang tranh chấp; tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn khai nhận rằng: các nguyên đơn không có quá trình sử dụng diện tích 1.118,3m^2 đất đang tranh chấp.

Như vậy, các nguyên đơn không có chứng cứ chứng minh diện tích 1.118,3m^2 đất đang tranh chấp thuộc quyền sử dụng của các nguyên đơn. Đồng thời, các nguyên đơn cũng không có chứng cứ chứng minh về việc cho ông D1, bà H1 xây dựng nhà ở nhờ trên diện tích 1.118,3m^2 đất đang tranh chấp.

[2.6]. Xét ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền lợi của các nguyên đơn:

Biên bản họp Hội đồng tư vấn của Ủy ban nhân dân xã Thới Sơn ngày 13/10/2017 thể hiện ý kiến của thành viên cấp xã, không phải là ý kiến của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai. Vì vậy, Biên bản họp Hội đồng tư vấn của Ủy ban nhân dân xã Thới Sơn ngày 13/10/2017 là tài liệu tham khảo về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất đang tranh chấp.

Các nguyên đơn và bị đều là con, cháu của Cụ Kim nên có quyền hưởng hoa lợi từ 03 bụi tre và cây tung do Cụ Kim trồng.

Do đó, Biên bản họp Hội đồng tư vấn của Ủy ban nhân dân xã Thới Sơn ngày 13/10/2017 và việc các nguyên đơn hưởng hoa lợi từ 03 bụi tre và cây tung do Cụ Kim trồng không phải là chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là có căn cứ đúng pháp luật.

Do đó, Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn; chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn và công nhận cho bị đơn được quyền sử dụng diện tích 1.118,3m^2 đất là có căn cứ theo quy định tại Điều 180, Điều 182, Điều 183, Điều 191, khoản 7 Điều 221, Điều 236 của Bộ luật Dân sự 2015.

[2.7]. Các nguyên đơn kháng cáo nhưng không giao nộp, cung cấp tài liệu, chứng cứ mới nên yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn và ý kiến đề nghị của Luật sư bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các nguyên đơn là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn.

[3]. Việc Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên công nhận sự tự nguyện của ông D1, bà H1 về việc giao trả cho ông P và các thừa kế của bà K1 diện tích 9,2m^2 đất thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Tịnh Biên cấp cho ông P và bà K1 là phù hợp pháp luật.

[4]. Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên cần rút kinh nghiệm các trường hợp sau đây:

[4.1]. Các nguyên đơn được miễn án phí dân sự sơ thẩm do thuộc trường hợp người cao tuổi, nhưng hồ sơ vụ án không có đơn đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm của các nguyên đơn là không đúng theo quy định tại Điều 14 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[4.2]. Bà K1 chết năm 2009; ngày 19/6/2015 các nguyên đơn nộp đơn khởi kiện tại Tòa án; ngày 03/7/2015 Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án. Như vậy, bà K1 đã chết trước khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án, quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm đưa bà K1 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không đúng. Lẽ ra, phải đưa những người còn sống thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà K1 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đảm bảo quyền lợi của bà K1.

[4.3]. Diện tích khu đất đang tranh chấp là 1.118,3m^2 theo Bản án dân sự sơ thẩm số: 40/2018/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Tịnh Biên đã phát hành là phù hợp với Bản trích đo địa chính của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Tịnh Biên ngày 23/7/2018. Do đó, việc Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên sửa chữa, bổ sung diện tích khu đất đang tranh chấp là 1.110,1m^2 là không đúng.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Các nguyên đơn thuộc trường hợp người cao tuổi, nhưng các nguyên đơn không nộp đơn đề nghị Tòa án miễn án phí dân sự phúc thẩm nên căn cứ khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, ông P, bà K, bà A, bà H, mỗi người phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 148; Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Thị H.

2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 40/2018/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Thị H về yêu cầu ông Nguyễn Văn D1 và bà Trần Thị H1 tháo dỡ, di dời nhà trả lại diện tích 1.118,3m^2 đất tại địa chỉ: Tổ 7, ấp Đông Thuận, xã Thới Sơn, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

- Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn: Ông Nguyễn Văn D1 và bà Trần Thị H1. Công nhận cho ông Nguyễn Văn D1 và bà Trần Thị H1 được quyền sử dụng diện tích 1.118,3m^2 đất tại địa chỉ: Tổ 7, ấp Đông Thuận, xã Thới Sơn, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang. Vị trí đất theo Bản trích đo địa chính của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Tịnh Biên ngày 23/7/2018.

- Ông Nguyễn Văn D1 và bà Trần Thị H1 có nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước kê khai, đăng ký cấp quyền sử dụng đất diện tích 1.118,3m^2 theo quy định của pháp luật.

- Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, ông Nguyễn Văn D1 và bà Trần Thị H1 tự nguyện trả lại cho ông Nguyễn Văn P và các thừa kế của bà Phạm Thị K1 diện tích 8,2m^2 đất tại địa chỉ: Tổ 7, ấp Đông Thuận, xã Thới Sơn,

huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02661 Ek ngày 15/10/2007 do Ủy ban nhân dân huyện Tịnh Biên cấp cho ông Nguyễn Văn P và bà Phạm Thị K1. Vị trí đất theo Bản trích đo địa chính của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Tịnh Biên ngày 23/7/2018.

(có kèm Bản trích đo địa chính của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Tịnh Biên ngày 23/7/2018).

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho các nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Thị H.

- Ông Nguyễn Văn P được nhận lại tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 200.000đ theo Biên lai thu số 0005954 ngày 03 tháng 7 năm 2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên.

- Ông Nguyễn Văn D1 được nhận lại tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ theo Biên lai thu số 0011492 ngày 21/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên.

- Ông Nguyễn Văn P được nhận lại tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ theo Biên lai thu số 0015886 ngày 11/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên (do anh Nguyễn Văn D đại diện theo ủy quyền nhận).

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Nguyễn Văn P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0009415 ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên.

- Bà Nguyễn Thị K phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0009416 ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên.

- Bà Nguyễn Thị A phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0009417 ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên.

- Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0009418 ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND AG;
- Phòng KTNV và THA;
- TAND huyện;
- THA huyện;
- Văn Phòng;
- Tòa Dân sự;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Ngô Ngọc Phỉ